

Số: 76 /2024/QĐST- HNGĐ

Quan Hóa, ngày 27 tháng 09 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân- gia đình thụ lý số 80/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 09 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị D - Sinh năm: 1982

Bị đơn: Phạm Văn S - Sinh năm: 1987

Đều có HKTT: Bản Sại, xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 09 năm 2024

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 09 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn S.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn S thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị D và anh S thống nhất trong thời gian chung sống có 02 con chung, các cháu tên là Phạm Anh T - sinh ngày: 22/07/2004 và cháu Phạm Minh T - sinh ngày 10/10/2009. Cháu T hiện đã trên 18 tuổi nên chị D và anh S không yêu cầu Toà án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị D và anh S thống nhất giao cháu Phạm Minh T - sinh ngày 10/10/2009 cho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về tài sản chung và công, nợ chung: Chị D và anh S thống nhất không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Các đương sự thoả thuận chị D nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0006547 ngày 05/09/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị D được nhận lại số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Hóa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- UBND X.Phú Lệ, H. Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- UBND P.Quảng Hưng, TP. Thanh Hóa, T. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Hùng